

**油耗保障 (泰国) (7月 2024 to 12月 2024)**

产品系列		耗油费率 (升/小时)	产品系列		耗油费率 (升/小时)
HEXSM	313 GC	9	HEXWH	M315 GC	TBC
	320	15		M317	11
HEXMD	320 GC	11	MWL	950 GC	14
	320 GX	11		950L	15
	323 GC	15		966 GC	19
	323 GX	15	LWL	986H	30
	330	21		988K	35
	330 GC	19		990K	61
	333	24			
	HEXLG	336-08	26		
340-08		28			
345 GC		32			
350		33			
352		34			
374		52			
395		70			